

TRÍCH YẾU LUẬN ÁN

Họ tên nghiên cứu sinh: **Phạm Thị Minh Nụ**

Tên đề tài luận án: **“Khả năng sản xuất của lợn DVN1 và DVN2 từ nguồn gen Duroc Canada”**

Ngành: Chăn nuôi.

Mã số : 9.62.01.05

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Trịnh Hồng Sơn
2. PGS.TS. Nguyễn Văn Đức

Cơ sở đào tạo: Viện Chăn nuôi

Nội dung bản trích yếu:

1. Mục tiêu và đối tượng nghiên cứu:

1.1. Mục tiêu nghiên cứu

- Đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất thân thịt, số lượng và chất lượng tinh dịch, năng suất sinh sản của hai dòng lợn DVN1, DVN2 được tạo ra từ lợn Duroc nguồn gen Canada.

- Đánh giá khả năng sinh trưởng, năng suất thân thịt và chất lượng thịt của các tổ hợp lợn thương phẩm TP1, TP2, TP3 và TP4 được tạo ra từ hai dòng DVN1, DVN2 phối với hai tổ hợp nái lai bố mẹ PS1 và PS2.

1.2. Đối tượng nghiên cứu

- Hai dòng lợn DVN1 và DVN2 được tạo ra từ lợn Duroc nguồn gen Canada.

- Các tổ hợp lợn lai thương phẩm TP1, TP2, TP3 và TP4 khi sử dụng dòng đực DVN1, DVN2 phối với nái bố mẹ PS1 và PS2.

2. Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng:

Số liệu được thu thập từ cơ sở dữ liệu của cơ sở giống và trực tiếp theo dõi qua kỳ thí nghiệm. Số liệu thống kê được xử lý bằng phần mềm SAS 9.4, So sánh các giá trị LSM theo cặp bằng phép so sánh Tukey. Chất lượng tinh được xác định bằng máy có độ chính xác cao (SDM5 và Metter Toledo MP 220). Sử dụng máy đo siêu âm Agroscan AL với đầu dò ALAL 350 (ECM, Pháp) để đo độ dày mỡ lưng và độ dày cơ thăn. Tỷ lệ mỡ giết được đo bằng máy đo siêu âm Exago với đầu dò L3130B (ECM, Pháp) và được ước tính trên phần mềm Biosoft Toolbox II for Swine 3.0. Phương pháp đã sử dụng để nghiên cứu là hiện đại và phù hợp với nội dung nghiên cứu.

3. Các kết quả chính và kết luận:

3.1. Các kết quả chính

- Đây là công trình nghiên cứu khoa học có hệ thống từ đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất thân thịt, năng suất sinh sản của hai dòng lợn DVN1, DVN2 được tạo ra từ lợn Duroc có nguồn gen Canada làm phong phú thêm nguồn gen lợn đực của hệ thống giống lợn Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu về khả năng sinh trưởng, năng suất thân thịt, chất lượng thịt của các tổ hợp lợn thương phẩm TP1, TP2, TP3 và TP4 được tạo ra từ hai dòng đực cuối DVN1, DVN2 phối với hai tổ hợp nái lai bố mẹ PS1 và PS2, cung cấp thêm các thông tin khoa học cần thiết về các tổ hợp lai lợn thương phẩm có năng suất và chất lượng cao, từ đó góp phần thúc đẩy ngành chăn nuôi lợn nước ta phát triển bền vững và hiệu quả cao.

3.2. Kết luận

- Khả năng sinh trưởng của lợn DVN1 và DVN2 đạt mức khá với tăng khối lượng đạt giá trị tương ứng 893,48 và 890,30 g/ngày ($P>0,05$); DVN1 có tỉ lệ nạc cao hơn DVN2 nhưng DVN2 lại có tỉ lệ mỡ giết cao hơn DVN1. Khả năng tăng khối lượng, tỉ lệ nạc và tỉ lệ mỡ giết của DVN1 và DVN2 đều được cải thiện và tăng lên qua các thế hệ. Lợn đực có khả năng tăng khối lượng cao hơn so với lợn cái nhưng tỉ lệ mỡ giết lại thấp hơn so với lợn cái.

- Số con sơ sinh sống/ổ, số con cai sữa/ổ, khối lượng sơ sinh sống/ổ và khối lượng cai sữa/ổ của lợn DVN1 cao hơn DVN2 nhưng số con cai sữa/nái/năm sai khác không có ý nghĩa thống kê. Các chỉ tiêu về năng suất sinh sản của lợn nái DVN1, DVN2 đều có xu hướng được cải thiện và tăng lên qua các thế hệ và tăng từ lứa 1 lên lứa 3.

- Dòng và thế hệ ảnh hưởng rất rõ rệt đến chỉ tiêu tổng hợp VAC. Chỉ tiêu tổng hợp VAC ở lợn đực DVN1 cao hơn so với lợn đực DVN2 và được cải thiện và tăng lên qua các thế hệ. Các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng tinh dịch của hai dòng lợn DVN1, DVN2 đều đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9111:2011 về lợn giống ngoại.

- Tổ hợp lợn thương phẩm ảnh hưởng đến khả năng tăng khối lượng, ảnh hưởng rõ rệt đến tỉ lệ nạc. Khả năng tăng khối lượng cao nhất ở tổ hợp TP1 và thấp nhất ở tổ hợp TP4; tổ hợp TP2 và TP3 sai khác không có ý nghĩa thống kê. Tỉ lệ móc hàm của 4 tổ hợp lợn thương phẩm TP1, TP2, TP3 và TP4 đều đạt cao, dao động từ 81,98 đến 83,71%; tỉ lệ thịt xẻ từ 72,90 đến 73,51%. Chất lượng thịt của 4 tổ hợp lợn thương phẩm TP1, TP2, TP3 và TP4 đều đạt tiêu chuẩn thịt lợn bình thường: chỉ tiêu pH45 giao động từ 6,58 đến 6,64; chỉ tiêu pH24 từ 5,67 đến 5,70.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Ý KIẾN CỦA TẬP THỂ NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Người hướng dẫn 1

Người hướng dẫn 2

Nghiên cứu sinh

TS. Trịnh Hồng Sơn

PGS.TS. Nguyễn Văn Đức

Phạm Thị Minh Nụ

